

Mục Lục

1.0 Tổng Quát	1-1	1.13 Cơ Sở Vật Chất	1-6
1.1 Phạm Vi	1-1	1.13.1 Hoạt Động Lắp Ráp Ngoài Nhà Máy	1-6
1.2 Mục Đích	1-1	1.13.2 Sức Khỏe Và An Toàn	1-6
1.3 Các Cấp Sản Phẩm	1-1	1.14 Bảo Vệ Phóng Tĩnh Điện (ESD)	1-6
1.4 Đơn Vị Đo Lường và Ứng Dụng	1-1	1.15 Dụng Cụ Và Thiết Bị	1-6
1.4.1 Xác Nhận Kích Thước	1-1	1.15.1 Kiểm Soát	1-6
1.5 Định Nghĩa Các Yêu Cầu	1-1	1.15.2 Hiệu Chuẩn	1-7
1.5.1 Các Tình Trạng Khi Kiểm Tra	1-2	1.16 Nguyên Vật Liệu và Quy Trình	1-7
1.5.1.1 Chấp Nhận	1-2	1.17 Khoảng Trống Cách Điện	1-7
1.5.1.2 Lỗi	1-2	1.18 Sự Nhiễm Bẩn	1-7
1.5.1.2.1 Xử Lý	1-2	1.19 Sửa Lỗi/Sửa Chữa	1-8
1.5.1.3 Báo Động Quy Trình	1-2	1.19.1 Sửa Lỗi	1-8
1.5.1.4 Tình Trạng Không Xác Định	1-2	1.19.2 Sửa Chữa	1-8
1.5.1.5 Các Thiết Kế Đặc Biệt hoặc Chuyên Dụng	1-2	1.19.3 Vệ Sinh Sau Khi Sửa Lỗi/Sửa Chữa	1-8
1.5.2 Vật Liệu và Quy Trình Không Phù Hợp	1-3	2.0 Các Tài Liệu Liên Quan	2-1
1.6 Kiểm Soát Quy Trình	1-3	2.1 IPC	2-1
1.6.1 Kiểm Soát Quy Trình bằng Thống Kê	1-3	2.2 Joint Industry Standards	2-1
1.7 Thứ Tự Ưu Tiên	1-3	2.3 Society of Automotive Engineers (SAE)	2-1
1.7.1 Điều Khoản Tham Chiếu	1-4	2.4 American National Standards Institute (ANSI) ...	2-1
1.7.2 Các Phụ Lục	1-4	2.5 International Organization for Standardization (ISO)	2-2
1.8 Thuật Ngữ và Định Nghĩa	1-4	2.6 ESD Association (ESDA)	2-2
1.8.1 FOD (Foreign Object Debris - Ngoại Vật)	1-4	2.7 United States Department of Defense (DoD)	2-2
1.8.2 Kiểm Tra	1-4	2.8 International Electrotechnical Commission (IEC)	2-2
1.8.3 Nhà Sản Xuất (Nhà Lắp Ráp)	1-4	2.9 Aerospace Industries Association (AIA/NAS)	2-2
1.8.4 Bằng Chứng Khách Quan	1-4	2.10 Electronics Industries Alliance	2-2
1.8.5 Kiểm Soát Quy Trình	1-4	2.11 ASTM International	2-2
1.8.6 Nhà Cung Cấp	1-4	2.12 Institute of Electrical and Electronics Engineers	2-2
1.8.7 Người Dùng	1-4	3.0 Dây Điện	3-1
1.8.8 Đường Kính	1-4	3.1 Tuốt Dây	3-1
1.8.8.1 Đường Kính Lõi Dây	1-4	3.2 Hư Hại Sợi Dẫn và Đầu Dây	3-1
1.8.8.2 Đường Kính Dây	1-4	3.3 Biến Dạng Lõi Dây/Lồng Chim	3-4
1.8.8.3 Đường Kính Sợi Dẫn	1-4	3.4 Xoắn Dây	3-6
1.8.9 Tài Liệu Kỹ Thuật	1-4	3.5 Hư Hại Vô Cách Điện - Tuốt Dây	3-7
1.9 Triển Khai Các Yêu Cầu	1-4	4.0 Các Đầu Nối Được Hàn	4-1
1.10 Năng Lực Nhân Sự	1-5	4.1 Nguyên Vật Liệu và Linh Kiện	4-1
1.11 Các Yêu Cầu Chấp Nhận	1-5		
1.12 Phương Pháp Kiểm Tra	1-5		
1.12.1 Kiểm Tra Xác Nhận Quy Trình	1-5		
1.12.2 Kiểm Tra Ngoại Quan	1-5		
1.12.2.1 Ánh Sáng	1-5		
1.12.2.2 Thiết Bị Phóng Đại	1-5		

Mục Lục (tt.)

4.1.1	Nguyên Vật Liệu	4-1	4.8.5	Dạng Móc	4-37
4.1.1.1	Chất Hàn	4-1	4.8.5.1	Vị Trí Đặt Dây/Chân Linh Kiện	4-37
4.1.1.1.1	Duy Trì Độ Tinh Khiết của Chất Hàn	4-2	4.8.5.2	Hàn	4-39
4.1.1.2	Chất Trợ Hàn	4-3	4.8.6	Dạng Ly	4-40
4.1.1.3	Keo	4-3	4.8.6.1	Vị Trí Đặt Dây/Chân Linh Kiện	4-40
4.1.1.4	Khả Năng Hàn.....	4-4	4.8.6.2	Hàn	4-41
4.1.2	Loại Bỏ Vàng	4-4	4.8.7	Liên Kết Nối Tiếp	4-43
4.2 Độ Sạch		4-5	4.8.8	Yêu Cầu Mối Nối - Vị Trí Đặt Dây/Chân Linh Kiện - Cỡ Dây 30 AWG và Các Dây Đường Kính Nhỏ Hơn.....	4-44
4.2.1	Trước Khi Hàn.....	4-5	5.0 Đầu Cuối Bấm (Đinh Nối và Đầu Cos)		5-1
4.2.2	Sau Khi Hàn	4-5	5.1 Dập Định Hình - Trụ Mỡ		5-3
4.2.2.1	Ngoại Vật (FOD).....	4-5	5.1.1	Phần Giữ Vô Cách Điện	5-4
4.2.2.2	Chất Trợ Hàn Thừa	4-6	5.1.1.1	Cửa Sổ Kiểm Tra.....	5-4
4.2.2.2.1	Yêu Cầu Làm Sạch	4-6	5.1.1.2	Bấm	5-6
4.2.2.2.2	Quy Trình Không Rửa.....	4-6	5.1.2	Khoảng Hở Vô Cách Điện Nếu Không Có Mối Bấm Giữ Dây	5-8
4.3 Liên Kết Hàn		4-7	5.1.3	Mối Bấm Lỗi Dây	5-9
4.3.1	Yêu Cầu Chung	4-9	5.1.4	Miệng Loe Của Mối Bấm	5-11
4.3.2	Các Mối Hàn Bất Thường	4-10	5.1.5	Chỗ Lỗi Dây	5-13
4.3.2.1	Bộ Lộ Kim Loại Nền.....	4-10	5.1.6	Tab Cắt Bỏ	5-15
4.3.2.2	Các Mối Hàn Thấy Được Một Phần hoặc Không Thấy Được	4-10	5.1.7	Lớp Bít Ron Cho Dây Đơn	5-16
4.4 Chuẩn Bị Dây/Chân Linh Kiện, Xi/Tráng		4-11	5.2 Dập Định Hình - Trụ Đóng		5-18
4.5 Vô Dây Cách Điện		4-13	5.2.1	Khoảng Hở Vô Cách Điện	5-19
4.5.1	Khoảng Trống	4-13	5.2.2	Mối Bấm Giữ Vô Cách Điện	5-20
4.5.2	Hư Hại Sau Khi Hàn	4-15	5.2.3	Mối Bấm Lỗi Dây Và Miệng Loe	5-21
4.6 Ống Bọc Cách Điện		4-16	5.2.4	Tab Cắt Bỏ	5-23
4.7 Tách Sợi Dẫn Sau Hàn (Lồng Chim)		4-18	5.3 Đinh nối Làm Bằng Máy Tiện		5-24
4.8 Đầu Nối		4-19	5.3.1	Khoảng Hở Vô Cách Điện	5-24
4.8.1	Trụ Hình Tháp và Trụ Tròn Thẳng	4-22	5.3.2	Loại Giữ Vô Cách Điện	5-26
4.8.1.1	Vị Trí Đặt Dây/Chân Linh Kiện	4-22	5.3.3	Lỗi Dây	5-27
4.8.1.2	Hàn	4-24	5.3.4	Bấm	5-29
4.8.2	Hai Trụ.....	4-25	5.3.5	Tăng CMA	5-31
4.8.2.1	Đặt Bên Hồng	4-25	5.4 Bấm Đầu Nối Ferrule		5-33
4.8.2.2	Đặt Từ Trên Xuống và Từ Dưới Lên	4-27	5.5 Ống Bọc Co Nhiệt - Giữ Dây - Đầu Nối Bấm		5-35
4.8.2.3	Dây Được Giữ/Cố Định Chặt	4-29	6.0 Mối Nối Đâm Xuyên Vô Cách Điện (IDC)		6-1
4.8.2.4	Hàn	4-30	6.1 Kết Nối Hàng Loạt, Cấp Dẹp		6-2
4.8.3	Dạng Rãnh	4-32	6.1.1	Cắt Cấp Điện	6-2
4.8.3.1	Vị Trí Đặt Dây/Chân Linh Kiện	4-32	6.1.2	Tia Cấp Điện	6-3
4.8.3.2	Hàn	4-33	6.1.3	Loại Bỏ Lớp Phủ Nối Đất	6-4
4.8.4	Loại Soi Lỗ/Xuyên Lỗ/Đục Lỗ	4-34	6.1.4	Vị Trí Bộ Nối	6-5
4.8.4.1	Vị Trí Đặt Dây/Chân Linh Kiện	4-34	6.1.5	Vị Trí Ngang và Xiên Của Bộ Nối	6-8
4.8.4.2	Hàn	4-36	6.1.6	Độ Bám Giữ	6-9

Mục Lục (tt.)

6.2	Đầu Cuối Dây Riêng Lẻ	6-10	9.2.2	Bố Trí Dây	9-6
6.2.1	Tổng Quát	6-10	9.2.2.1	Bố Trí Dây - Nối Thẳng	9-7
6.2.2	Vị Trí của Dây	6-11	9.2.2.2	Bố Trí Dây - Nối Vuông Góc	9-8
6.2.3	Phần Nhô Ra (Phần Kéo Dài)	6-12	9.3	Ống Bọc và Lớp Vỏ Bảo Vệ	9-9
6.2.4	Mối Bám Vỏ Cách Điện	6-13	9.3.1	Vị Trí	9-9
6.2.5	Hư Hại Ở Khu Vực Kết Nối	6-15	9.3.2	Kết Dính	9-10
6.2.6	Bộ Nối Có Vách Biên	6-16	9.4	Hư Hại Bộ Nối	9-13
6.2.7	Bộ Nối Xuyên Qua	6-17	9.4.1	Tiêu Chuẩn	9-13
6.2.8	Bộ Nối Kẹp Dây	6-18	9.4.2	Các Giới Hạn - Bề Mặt Cứng - Bề Mặt Kết Nối	9-14
6.2.9	Bộ Nối Hình Chữ D Cực Nhỏ (Bộ Nối Liên Hoàn Nhiều Dây)	6-19	9.4.3	Các Giới Hạn - Bề Mặt Mềm - Bề Mặt Kết Nối hay Phần Bịt Kín Ở Cuối	9-15
6.2.10	Bộ Nối Dạng Mô Đun (Loại RJ).....	6-21	9.4.4	Đinh nối	9-16
7.0	Mối Hàn Siêu Âm	7-1	9.5	Lắp Đặt Đinh Nối và Đầu Bít Vào Bộ Nối	9-17
7.1	Khoảng Hở Vỏ Cách Điện	7-1	9.5.1	Lắp Đặt Đinh nối.....	9-17
7.2	Khối Hàn	7-3	9.5.2	Lắp Đặt Đầu Bít	9-19
8.0	Mối Nối Ghép	8-1	10.0	Ép Khuôn/Đổ Nhựa	10-1
8.1	Mối Hàn Ghép	8-1	10.1	Ép Khuôn	10-2
8.1.1	Đan	8-2	10.1.1	Điền Khuôn	10-2
8.1.2	Quấn	8-3	10.1.1.1	Bên Trong	10-2
8.1.3	Móc	8-4	10.1.1.2	Bên Ngoài	10-5
8.1.4	Chồng	8-5	10.1.1.2.1	Không Thẳng Hàng	10-8
8.1.4.1	Hai Lõi Dây Hoặc Nhiều Hơn.....	8-5	10.1.1.2.2	Sự Vừa Vặn	10-9
8.1.4.2	Phần Mỡ Vỏ Cách Điện (Cửa Sổ)	8-7	10.1.1.2.3	Rạn Nứt, Dòng Chảy, Nếp Nhăn (Đường Đan), hoặc Đường Hàn	10-12
8.1.5	Ống Hàn Co Nhiệt	8-8	10.1.1.2.4	Màu Sắc	10-14
8.2	Mối Bám Ghép	8-10	10.1.2	Thổi Qua	10-15
8.2.1	Ống	8-10	10.1.3	Vị Trí	10-16
8.2.1.1	Phần Mỡ Vỏ cách điện (Cửa Sổ).....	8-13	10.1.4	Bavia	10-19
8.2.2	Bám Hai Đầu	8-14	10.1.5	Hư Hại Vỏ Dây Cách Điện, Vỏ Bên Ngoài hoặc Ống Bọc	10-21
8.2.3	Đinh Nối	8-17	10.1.6	Làm Khô	10-22
8.2.4	Ống Nối Dây Thẳng Hàng (Ống Nối Jiffy).....	8-18	10.2	Đổ Nhựa (Đúc Bằng Nhựa Thermoset)	10-23
8.3	Mối Hàn Ghép Siêu Âm	8-19	10.2.1	Lắp Đặt	10-23
8.4	Ống Bọc Trên Các Mối Ghép	8-20	10.2.2	Sự Vừa Vặn với Dây Điện hoặc Cáp Điện ...	10-26
9.0	Gắn Kết Bộ Nối	9-1	10.2.3	Làm Khô	10-28
9.1	Gắn Phần Cứng	9-1	10.3	Ép Khuôn Cáp Ruy Băng Dệt Đều	10-29
9.1.1	Trụ Đai Ốc - Chiều Cao	9-1	10.3.1	Gắn và Căn Chính Keo	10-31
9.1.2	Trụ Vít - Phần Nhô Ra.....	9-2	10.3.2	Keo Giữa Ruy Băng và Phần Đổ Nhựa Bộ Nối	10-31
9.1.3	Kẹp/ Khóa Định Vị	9-3	10.3.3	Gắn Phần Cứng	10-32
9.1.4	Căn Chính Bộ Nối	9-4	11.0	Đo Lượng Bộ Cáp Điện và Dây Điện	11-1
9.2	Giảm Sức Căng	9-5			
9.2.1	Độ Chặt Của Kẹp	9-5			

Mục Lục (tt.)

11.1	Đo Lường - Dung Sai Chiều Dài Cấp Điện và Dây Điện	11-1	13.7.1	Hàn	13-15
11.2	Đo Lường - Cấp Điện	11-1	13.7.2	Nhấn Khí	13-16
11.2.1	Bề Mặt Tham Chiếu - Bộ Nối Thăng/Dọc Trục	11-1	13.8	Đầu Cuối Vỏ Bọc Chống Nhiễm	13-17
11.2.2	Bề Mặt Tham Chiếu - Bộ Nối Vuông Góc	11-2	13.8.1	Vòng Kẹp Tiếp Đất	13-17
11.2.3	Chiều Dài	11-2	13.8.2	Bấm Đầu Nối Ferrule	13-18
11.2.4	Ngã Rẽ	11-3	13.9	Đỉnh Trung Tâm	13-20
11.2.4.1	Các Điểm Đo Lường Ngã Rẽ	11-3	13.9.1	Vị Trí	13-20
11.2.4.2	Chiều Dài Nhánh Rẽ	11-4	13.9.2	Hư Hại	13-21
11.3	Đo Lường - Dây Điện	11-5	13.10	Cáp Đồng Trục Bán Cứng	13-22
11.3.1	Vị Trí Tham Chiếu Đầu Nối	11-5	13.10.1	Uốn Cong và Biến Dạng	13-23
11.3.2	Chiều Dài	11-6	13.10.2	Tình Trạng Bề Mặt	13-25
12.0	Dấu Hiệu/Nhãn	12-1	13.10.2.1	Vỏ Cứng	13-25
12.1	Nội Dung	12-1	13.10.2.2	Cáp Linh Hoạt	13-27
12.2	Tính Rõ Ràng	12-2	13.10.3	Cắt Điện Môi	13-28
12.3	Tính Lâu Bền	12-3	13.10.4	Độ Sạch Điện Môi	13-30
12.4	Vị Trí và Phương Hướng	12-4	13.10.5	Đỉnh Lõi Dây Trung Tâm	13-31
12.5	Chức Năng	12-5	13.10.5.1	Điểm Mũi Nhọn	13-32
12.6	Ống Bọc Dấu Hiệu	12-6	13.10.5.2	Hư Hại	13-34
12.6.1	Quản Quan	12-6	13.10.6	Hàn	13-34
12.6.2	Hình Ống	12-8	13.11	Bộ Nối Kiểu Ép	13-36
12.7	Dấu Hiệu Hình Lá Cờ	12-9	13.12	Hàn và Tuốt Dây Hai Trục và Nhiều Trục Có Bọc Chống Nhiễm	13-37
12.7.1	Keo	12-9	13.12.1	Lắp Đặt Vỏ Bên Ngoài và Đỉnh Nối	13-37
12.8	Cột/Buộc Các Dấu Hiệu	12-10	13.12.2	Lắp Đặt Vòng	13-39
13.0	Cáp Đồng Trục và Cáp Hai Trục	13-1	14.0	Có Định	14-1
13.1	Tuốt Dây	13-1	14.1	Ứng Dụng Của Dây Buộc/Dây Gút	14-1
13.2	Đầu Cuối Lõi Dây Trung Tâm	13-4	14.1.1	Độ Chặt	14-6
13.2.1	Bấm	13-4	14.1.2	Hư Hại	14-7
13.2.2	Hàn	13-6	14.1.3	Khoảng Cách	14-7
13.3	Hàn Các Đỉnh Nối Ferrule	13-8	14.2	Ngã Rẽ	14-8
13.3.1	Tổng Quát	13-8	14.2.1	Các Dây Riêng Lẻ	14-8
13.3.2	Chất Cách Điện	13-10	14.2.2	Khoảng Cách	14-9
13.4	Bộ Nối Cáp Đồng Trục - Gắn Trên Bảng Mạch	13-11	14.3	Định Tuyển	14-12
13.5	Bộ Nối Cáp Đồng Trục - Chiều Dài Lõi Dây Trung Tâm - Bộ Nối Vuông Góc	13-12	14.3.1	Dây Chồng Chéo	14-12
13.6	Bộ Nối Cáp Đồng Trục - Hàn Lõi Dây Trung Tâm	13-13	14.3.2	Bán Kính Uốn Cong	14-13
13.7	Bộ Nối Cáp Đồng Trục - Nấp Che Đầu Nối	13-15	14.3.3	Cáp Đồng Trục	14-14
			14.3.4	Đầu Cuối Dây Không Sử Dụng	14-15
			14.3.4.1	Ống Bọc Co Nhiệt	14-15
			14.3.4.2	Ống Bọc Dẻo	14-16
			14.3.5	Nút Buộc Chồng Lên Mỗi Nối Ghép và Ống Ferrule	14-16
			14.4	Khâu Chối	14-17
			15.0	Vỏ Bọc Chống Nhiễm Cho Cáp Điện/Bó Dây	15-1

Mục Lục (tt.)

15.1 Vô Bện	15-1	17.2.1.1 Lực Siết Tối Thiểu	17-5
15.1.1 Bện Trực Tiếp	15-2	17.2.2 Dây Điện	17-7
15.1.2 Bện Sẵn	15-4	17.2.2.1 Dây Đơn Lõi	17-8
15.2 Đầu Cuối Vỏ Bọc Chống Nhiều	15-5	17.2.2.2 Dây Có Lõi Nhiều Sợi	17-10
15.2.1 Dây Nối Chống Nhiều	15-5	17.2.3 Lắp Đặt Dây An Toàn	17-11
15.2.1.1 Dây Dẫn Đinh Kèm	15-5	17.2.4 Cáp An Toàn	17-13
15.2.1.1.1 Hàn	15-6	17.3 Lắp Đặt Dây/Bó Dây	17-14
15.2.1.1.2 Bám Dây	15-10	17.3.1 Giảm Sức Căng	17-14
15.2.1.2 Vỏ Bện Chống Nhiều	15-11	17.3.2 Uốn Dây	17-15
15.2.1.2.1 Giữ Lớp Bện	15-11	17.3.3 Vòng Sửa Chữa	17-16
15.2.1.2.2 Xả Lớp Bện và Xoắn	15-11	17.3.4 Kẹp Giữ Dây	17-17
15.2.1.3 Chuỗi Daisy Nhiều	15-12	17.3.5 Dây Buộc/Dây Gút	17-17
15.2.1.4 Điểm Tiếp Đất Chung	15-12	17.3.6 Máng	17-18
15.2.2 Vỏ Bọc Chống Nhiều Không Kết Nối	15-13	17.3.7 Đệm Lót	17-19
15.2.2.1 Lớp Chống Nhiều Không Được Gấp	15-13	17.3.7.1 Không Yêu Cầu Bịt Kín	17-19
15.2.2.2 Lớp Chống Nhiều Được Gấp Ngược	15-14	17.3.7.2 Yêu Cầu Bịt Kín	17-20
15.3 Đầu Cuối Vỏ Bọc Chống Nhiều - Bộ Nối	15-15	18.0 Quán Dây Không Hàn	18-1
15.3.1 Co Nhiệt	15-15	19.0 Kiểm Tra	19-1
15.3.2 Bám	15-17	19.1 Kiểm Tra Không Phá Hủy	19-1
15.3.3 Lắp Đặt Dây Nối Chống Nhiều	15-19	19.2 Kiểm Tra Sau Khi Sửa Lỗi hoặc Sửa Chữa	19-1
15.3.4 Bộ Nối - Hàn	15-20	19.3 Sử Dụng Bảng Dự Kiến	19-1
15.4 Đầu Cuối Vỏ Bọc Chống Nhiều - Nối Các Ống Bện Sẵn	15-20	19.4 Kiểm Tra Điện	19-2
15.4.1 Hàn	15-21	19.4.1 Kiểm Tra Điện - Sự Lựa Chọn	19-2
15.4.2 Thắt/Buộc	15-23	19.5 Phương Pháp Kiểm Tra Điện	19-3
15.5 Băng Quán - Rào Chắn và Dẫn Điện, Có Keo và Không Có Keo	15-24	19.5.1 Thông Mạch	19-3
15.6 Ống Luồn Dây (Chống Nhiều)	15-25	19.5.2 Ngắn Mạch	19-4
15.7 Ống Co Nhiệt - Có Lớp Dẫn Điện	15-26	19.5.3 Điện Áp Chịu Đựng Của Điện Môi (DWV) ...	19-5
16.0 Bọc Bảo Vệ Bó Dây Điện/Cáp Điện	16-1	19.5.4 Điện Trở Cách Điện (IR)	19-6
16.1 Vô Bện	16-1	19.5.5 Ti Số Sóng Đứng Điện Áp (VSWR)	19-7
16.1.1 Bện Trực Tiếp	16-1	19.5.6 Tồn Hao Điện Áp	19-7
16.1.2 Bện Sẵn	16-3	19.5.7 Hệ Số Phản Xạ	19-8
16.2 Ống Bọc/Ống Co Nhiệt	16-5	19.5.8 Định Nghĩa Bới Người Dùng	19-8
16.2.1 Keo Ron	16-6	19.6 Kiểm Tra Cơ Khí	19-9
16.3 Ống Nhựa Quán Xoắn (Ống Bọc Xoắn)	16-7	19.6.1 Sự Lựa Chọn	19-9
16.4 Ống Gân Luồn Dây - Loại Tách Dọc Và Không Tách	16-8	19.7 Phương Pháp Kiểm Tra Cơ Khí	19-10
16.5 Băng Quán, Có Keo và Không Có Keo	16-8	19.7.1 Chiều Cao Bám (Phân Tích Kích Thước) ...	19-10
17.0 Lắp Đặt Sản Phẩm Lắp Ráp Thành Phẩm	17-1	19.7.1.1 Vị Trí Đầu Nối	19-11
17.1 Tổng Quát	17-1	19.7.2 Lực Kéo (Lực Căng)	19-12
17.2 Lắp Đặt Phần Cứng	17-2	19.7.2.1 Không Có Kiểm Soát Quy Trình Đã Được Tài Liệu Hóa	19-13
17.2.1 Bộ Siết Có Ren	17-3	19.7.3 Giám Sát Lực Bám	19-17
		19.7.4 Kiểm Tra Dụng Cụ Bám	19-17
		19.7.5 Kiểm Tra Xác Nhận Lực Giữ Đinh Nối	19-17

Mục Lục (tt.)

19.7.6	Lực Kéo (Lực Căng) Bộ Nối Có Bọc Chấn Sóng Vô Tuyến RF	19-18
19.7.7	Lực Xoắn Bộ Nối Ferrule Có Bọc Chấn Sóng Vô Tuyến RF.....	19-19
19.7.8	Định Nghĩa Bồi Người Dùng	19-19
20.0	Các Ứng Dụng Điện Cao Áp	20-1
Phụ Lục A	Thuật Ngữ và Định Nghĩa	A-1
Phụ Lục B	Các Bảng Kiểm Tra Có Thẻ Sao Chép Lại	B-1
Phụ Lục C	Hướng Dẫn Chung Cho Dụng Cụ Và Thiết Bị Hàn	C-1
Phụ Lục D	Hướng Dẫn Chụp X-quang	D-1
Bảng		
Bảng 1-1	Các Ứng Dụng Thiết Bị Phóng Đại - Dây và Kết Nối Dây	1-5
Bảng 1-2	Các Ứng Dụng Thiết Bị Phóng Đại - Khác	1-6
Bảng 3-1	Số Lượng Sợi Dẫn Bị Hư Cho Phép	3-3
Bảng 4-1	Giới Hạn Tối Đa Cho Tạp Chất Trong Bề Chất Hàn	4-2
Bảng 4-2	Các Bất Thường Trong Liên Kết Hàn	4-10
Bảng 4-3	Đầu Nối - Trụ Hình Tháp và Trụ Tròn Thẳng - Vị Trí Đặt Dây/Chân Linh Kiện	4-22
Bảng 4-4	Đầu Nối Hai Trụ Vị Trí Đặt Dây/Chân Linh Kiện - Đặt Bên Hồng	4-25
Bảng 4-5	Đầu Nối Hai Trụ Vị Trí Đặt Dây/Chân Linh Kiện - Đặt Từ Dưới Lên	4-27
Bảng 4-6	Yêu Cầu Về Việc Đính Keo Dây Nối Cho Dây Đặt Ngang Xuyên Thẳng Đầu Nối - Đầu Nối 2 Trụ	4-29
Bảng 4-7	Vị Trí Đặt Dây/Chân Linh Kiện Trên Đầu Nối Sợi Lỗ/Xuyên Lỗ	4-34
Bảng 4-8	Vị Trí Đặt Dây/Chân Linh Kiện Cho Loại Đầu Nối Dạng Móc	4-37
Bảng 4-9	Các Yêu Cầu Quản Cho Cỡ Dây 30 AWG Và Nhỏ Hơn	4-44
Bảng 11-1	Dung Sai Đo Lường Chiều Dài Cấp/ Dây Điện	11-1
Bảng 13-1	Hư tổn lõi dây trung tâm và vỏ bọc chống nhiễu của cáp đồng trục và cáp hai trục	13-1
Bảng 13-2	Độ Biến Dạng Của Cáp Đồng Trục Bán Cứng	13-24
Bảng 13-3	Cất Điện Môi	13-28
Bảng 14-1	Các Yêu Cầu Về Bán Kính Uốn Cong Tối Thiểu	14-13
Bảng 17-1	Lực Kéo Tối Thiểu Của Ferrule Đã Được Bấm	17-1
Bảng 19-1	Các Yêu Cầu Kiểm Tra Điện	19-3

Bảng 19-2	Các Yêu Cầu Tối Thiểu Kiểm Tra Thông Mạch	19-4
Bảng 19-3	Các Yêu Cầu Tối Thiểu Kiểm Tra Ngắn Mạch (Độ Cách Điện Dưới Điện Áp Thấp)	19-6
Bảng 19-4	Các Yêu Cầu Tối Thiểu Khi Kiểm Tra Điện Áp Chịu Đựng Của Điện Môi (DWV).....	19-6
Bảng 19-5	Các Yêu Cầu Tối Thiểu Kiểm Tra Điện Trở Cách Điện (IR)	19-7
Bảng 19-6	Các Thông Số Kiểm Tra Tỉ Số Sóng Đứng Điện Áp (VSWR)	19-8
Bảng 19-7	Các Thông Số Kiểm Tra Tồn Hao Điện Áp ...	19-8
Bảng 19-8	Các Thông Số Kiểm Tra Hệ Số Phản Xạ ...	19-9
Bảng 19-9	Các Yêu Cầu Kiểm Tra Cơ Khí	19-10
Bảng 19-10	Kiểm Tra Chiều Cao Bấm	19-11
Bảng 19-11	Các Yêu Cầu Tối Thiểu Kiểm Tra Lực Kéo	19-15
Bảng 19-12	Các Giá Trị Lực Kéo Kiểm Tra	19-14
Bảng 19-13	Các Giá Trị Lực Kiểm Tra Kéo (Cấp 1 & 2) Cho UL, SAE, GM và Volvo	19-15
Bảng 19-14	Các Giá Trị Lực Kiểm Tra Kéo (Cấp 1&2) cho IEC	19-16
Bảng 19-15	Kiểm Tra Lực Kéo Bộ Nối Có Bọc Chấn Sóng Vô Tuyến RF	19-13
Bảng A-1	Khoảng Trống Cách Điện	A-2
Bảng 19-1	Các Yêu Cầu Kiểm Tra Điện	B-2
Bảng 19-2	Các Yêu Cầu Tối Thiểu Kiểm Tra Thông Mạch	B-3
Bảng 19-3	Các Thông Số Kiểm Tra Ngắn Mạch (độ cách điện dưới điện áp thấp)	B-4
Bảng 19-4	Các Yêu Cầu Tối Thiểu Khi Kiểm Tra Điện Áp Chịu Đựng Của Điện Môi (DWV).....	B-5
Bảng 19-5	Các Yêu Cầu Tối Thiểu Kiểm Tra Điện Trở Cách Điện (IR)	B-6
Bảng 19-6	Các Thông Số Kiểm Tra Tỉ Số Sóng Đứng Điện Áp (VSWR)	B-7
Bảng 19-7	Các Thông Số Kiểm Tra Tồn Hao Điện Áp ...	B-8
Bảng 19-8	Các Thông Số Kiểm Tra Hệ Số Phản Xạ	B-9
Bảng 19-9	Các Yêu Cầu Kiểm Tra Cơ Khí	B-10
Bảng 19-10	Kiểm Tra Chiều Cao Bấm	B-11
Bảng 19-11	Các Yêu Cầu Tối Thiểu Kiểm Tra Lực Kéo ...	B-12
Bảng 19-15	Kiểm Tra Lực Kéo Bộ Nối Có Bọc Chấn Sóng Vô Tuyến RF	B-13